TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2024/DS-ST
Ngày: 26 - 4 - 2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Văn Bé Em**

2. Bà **Chung Kim Sang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Sơn Tiến** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang: Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung**- chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 407/2023/TLST- DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị B,** sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố MA, thị trấn Minh Lương, huyện CT, tỉnh KG.

** Bị đơn:* Bà **Lê Thị Bạch T**, sinh năm 1975. (Vắng mặt lần thứ hai không lý do).

Địa chỉ: Số đường Lâm Quang Ky, phường An Hòa, thành phố RG, tỉnh KG.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Phạm Anh T**, sinh năm 1975 (Vắng mặt có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1095E đườngLâm Quang Ky, phường An Hòa, thành phố RG, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị B trình bày:

Vào ngày 15/7/2023 bà Lê Thị Bạch T có hỏi vay của bà B số tiền 150.000.000 đồng, để đáo hạn ngân hàng, khi cho vay thì giữa bà và bà T có thống nhất thỏa thuận thời hạn vay là 02 ngày vì mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Hai bên có làm biên nhận vay tiền, viết tay do bà T viết và ký tên. Tuy nhiên, đến khoảng hơn 1 tuần sau không thấy bà T mang tiền đến trả bà, bà có hỏi bà T thì bà T nói không đáo hạn ngân hàng được. Sau đó, đến ngày 30/7/2023 bà T mang trả số tiền 50.000.000 đồng, còn lại số tiền 100.000.000 đồng thì không trả mặc dù bà B đã nhiều lần gọi điện thoại và tìm đến nhà bà T yêu cầu trả nợ nhưng bà T cứ hẹn không thực hiện trả nợ gốc và lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lâm Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Bạch T phải trả cho bà B số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Bà B xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T trả tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay 15/7/2023 cho đến khi xét xử.

***** Bị đơn bà Lê Thị Bạch T đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị bà Lê Thị Bạch T đều không có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Anh T đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Phạm Anh T vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử mặt theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lâm Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị B thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn bà Lâm Thị B yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Bạch T phải trả cho bà B số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản".

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn bà Lê Thị Bạch T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần, nhưng bà Lê Thị Bạch T vẫn vắng mặt không lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Anh T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị bà Lê Thị Bạch T và anh Phạm Anh T theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Bạch T và anh Phạm Anh T.

[4] - Về nội dung vụ án: Tại yêu cầu khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xem xét giải quyết buộc bị đơn bà Lê Thị Bạch T phải trả cho bà B số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà B rút lại yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Bạch T vắng mặt, tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà T theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự tuy nhiên bà T vẫn không có ý kiến phản đối.

Hội đồng xét xử xét thấy: giao dịch vay tài sản giữa nguyên đơn Lâm Thị B với bị đơn bà Lê Thị Bạch T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 về hợp đồng vay tài sản, bị đơn bà Lê Thị Bạch T đã nhận được tài sản thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho tòa án

tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc khởi kiện, yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp". Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà T không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như đưa ra các chứng cứ khác để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Mặt khác, bà T đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do là xem như đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị B buộc bị đơn bà Lê Thị Bạch T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lâm Thị B số tiền vay vốn gốc: **100.000.000** đồng.

Tại phiên tòa B xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T trả tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay 15/7/2023 cho đến khi xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử xét thống nhất đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bà T trả tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay 15/7/2023 cho đến khi xét xử.

[5] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn bà Lê Thị Bạch T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là **100.000.000** đồng đồng x 5% = **5.000.000** đồng.

Nguyên đơn bà Lâm Thị B được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH , ngày 30-12-2016 và Điều 2 Luật người cao tuổi.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào 463, 466, Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị B về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản*" đối với bị đơn bà Lê Thị Bạch T.

2 - Buộc bà Lê Thị Bạch T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lâm Thị B số tiền vốn gốc là: **100.000.000** đồng (một trăm triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị B về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay 15/7/2023 cho đến khi xét xử.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn bà Lê Thị Bạch T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là **100.000.000** đồng đồng x 5% = **5.000.000** đồng.

Nguyên đơn bà Lâm Thị B được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH , ngày 30-12-2016 và Điều 2 Luật người cao tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Toán